

Dung dịch R1 và R2 chứa Natri Azide. Tránh ăn hoặc tiếp xúc với da hoặc niêm mạc. Trong trường hợp tiếp xúc với da, rửa sạch vùng bị ảnh hưởng với lượng nước trong 10 phút. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt hoặc nếu nuốt phải, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

Natri Azide phản ứng với chì và ống nước bằng đồng, tạo thành các azide có khả năng gây nổ. Khi xử lý các thuốc thử như vậy xả với một lượng nước lớn để ngăn chặn azide tích tụ.

Bề mặt kim loại tiếp xúc nên được làm sạch bằng natri hydroxit 10%.

Vui lòng vứt bỏ tất cả các vật liệu sinh học và hóa học theo hướng dẫn của địa phương.

Bảng dữ liệu về sức khỏe và an toàn có sẵn theo yêu cầu.

Các hóa chất chỉ được sử dụng bởi nhân viên phòng xét nghiệm có trình độ, trong điều kiện phòng xét nghiệm thích hợp.

ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ CHUẨN BỊ HÓA CHẤT

R1. ASO Assay Buffer

Cung cấp sẵn sàng để sử dụng. Ổn định đến ngày hết hạn khi được lưu trữ ở +2 đến +8 ° C, tránh ánh sáng.

R2. ASO Latex Reagent

Cung cấp sẵn sàng để sử dụng. Ổn định đến hết hạn sử dụng khi được lưu trữ ở +2 đến +8 ° C, tránh ánh sáng. Đảo ngược vài lần trước khi sử dụng, tránh tạo bọt.

R1 = ASO Assay Buffer **R2** = ASO Latex Reagent

VẬT LIỆU CUNG CẤP

ASO Assay Buffer

ASO Latex Reagent

VẬT LIỆU CẦN THIẾT NHƯNG KHÔNG CUNG CẤP

Randox ASO Calibrator (Cat. No. LO2306)

Randox Liquid Specific Protein Calibrator, Cat. No. IT2691 (Level 5)

Randox Liquid Assayed Specific Protein Controls

Level 1 Cat. No. PS 2682

Level 2 Cat. No. PS 2683

Level 3 Cat. No. PS 2684

RX series Saline (Cat. No. SA 3854)

LƯU Ý

Các thông số hóa sinh cho Randox chuyên dụng

Các xét nghiệm RX suzuka được xác định trước trên ổ cứng của PC phân tích. Các chương trình cần thiết phải được tải xuống phần mềm phân tích. Xin lưu ý rằng các tham số hóa học được xác định trước sử dụng các đơn vị SI. Nếu các đơn vị thay thế là bắt buộc, chúng có thể được chỉnh sửa bởi người dùng.

Trong trường hợp này, phạm vi kỹ thuật nên được chỉnh sửa theo các đơn vị người dùng đã chọn. Tất cả các hướng dẫn cần thiết được mã hóa trên mã vạch. Nếu máy phân tích không thể đọc được mã vạch, hãy nhập thủ công dãy số được đưa ra bên dưới mã vạch. Nếu vấn đề vẫn tiếp tục, liên hệ với Dịch vụ Kỹ thuật của Phòng xét nghiệm Randox, Bắc Ireland (028) 94451070.

HIỆU CHUẨN

NaCl 0,9% là mẫu hiệu chuẩn trắng và Bộ hiệu chuẩn protein đặc hiệu Randox dạng lỏng hoặc Bộ hiệu chuẩn Randox ASO được khuyến nghị để hiệu chuẩn.

TRACEABILITY

Randox ASO Assay is traceable to NIBSC Q4578.

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Randox Liquid Assayed Specific Protein được khuyến nghị để kiểm soát chất lượng. Hai cấp độ kiểm soát nên được thử nghiệm ít nhất một lần một ngày. Các giá trị thu được phải nằm trong một phạm vi

được chỉ định. Nếu các giá trị này nằm ngoài phạm vi và lặp lại không bao gồm lỗi, cần thực hiện các bước sau:

1. Kiểm tra cài đặt dụng cụ và nguồn sáng.
 2. Kiểm tra độ sạch của tất cả các thiết bị đang sử dụng.
 3. Kiểm tra nước. Chất gây ô nhiễm, tức là sự phát triển của vi khuẩn có thể đóng góp vào kết quả không chính xác.
 4. Kiểm tra nhiệt độ phản ứng.
 5. Kiểm tra hạn sử dụng của bộ và nội dung.
 6. Liên hệ với Dịch vụ Kỹ thuật của Phòng thí nghiệm Randox, Bắc Ireland (028) 94451070.
- Các yêu cầu kiểm soát chất lượng phải được xác định phù hợp với các quy định của chính phủ hoặc các yêu cầu công nhận.

ĐẶC TÍNH/ CAN THIỆP

Kháng thể là đặc hiệu đối với ASO của con người và chưa được chứng minh là phản ứng chéo với các protein huyết thanh khác trong các điều kiện của xét nghiệm.

Các chất phân tích dưới đây đã được kiểm tra đến mức được chỉ định ở nồng độ ASO là 80,0 IU / ml và 520 IU / ml và được tìm thấy không can thiệp:

		520 IU/ml
	80.0 IU/ml	1000
Haemoglobin	1000 mg/dl	mg/dl
		100
Total Bilirubin	25 mg/dl	mg/dl
		100
Direct Bilirubin	100 mg/dl	mg/dl
		1000
Triglycerides	1000 mg/dl	mg/dl
		1000
Intralipid®	1000 mg/dl	mg/dl

KHOẢNG THAM CHIẾU

≤ 100 IU/ml cho trẻ em, dưới 1 tuổi.(3)

≤ 250 IU/ml cho trẻ em, trên 1 tuổi.(3)

≤ 200 IU/ml cho người lớn.(4)

Lý tưởng nhất, mỗi phòng xét nghiệm nên thiết lập một phạm vi dự kiến cho vị trí địa lý có liên quan.

ĐIỂM THỰC HIỆN CỤ THỂ

Các đặc tính hiệu suất sau đây thu được bằng cách sử dụng máy phân tích Suzuka RX.

KHOẢNG THAM CHIẾU

Approximately 25.3 - 1393 IU/ml.

TUYẾN TÍNH

Phương pháp này tuyến tính với nồng độ ASO là 1393 IU / ml.

ĐỘ NHẠY

Nồng độ ASO tối thiểu có thể phát hiện được với mức độ chính xác chấp nhận được được xác định là 25,3 IU / ml.

ĐỘ CHỤM

Intra assay

		Level
Level 1	Level 2	3

Mean (IU/ml)	145	303	488
SD	3.20	2.30	4.73
CV(%)	2.21	0.76	0.97
n	20	20	20

TƯƠNG QUAN

Phương pháp (Y) được so sánh tương quan với phương pháp khác (X) và thu được phương trình tuyến tính sau:

$$Y = 0.98 X + 0.82$$

và hệ số tương quan $r = 1.00$

45 mẫu bệnh nhân được phân tích trong khoảng từ 29.28 - 1045.37 IU/ml.

Để biết thông tin chi tiết về sản phẩm và được trợ giúp, xin liên hệ với nhà phân phối của hãng tại Việt Nam:

Công ty Cổ phần Giải pháp Y tế GS

Điện thoại: 024.35772266

Email: gsmed.trang@gmail.com